

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập
trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	i
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	ii
DANH MỤC VIẾT TẮT	iii
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN	1
1.1. Tên chủ dự án đầu	1
1.2. Tên dự án đầu tư.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	2
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	4
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	5
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	14
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	14
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	16
3.1. Kết quả thực hiện các công tác bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng.....	16
3.2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành của dự án	16
3.3. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	28
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	31
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	31
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	32
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	32
CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN	33
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	33
5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	34
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	34
CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	36

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch.....	2
Bảng 1.2. Thống kê chia lô đất ở	3
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện của dự án.....	4
Bảng 1.4: Mật cắt ngang các tuyến đường.....	6
Bảng 1.5: Bảng khối lượng phụ kiện cấp điện chiếu sáng.....	10
Bảng 1.6: Thống kê hệ thống cấp nước.....	11
Bảng 1.7: Tiến độ thực hiện xây dựng dự án	13
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa	17
Bảng 3.2. Bảng thống kê hệ thống thu gom và thoát nước thải.....	17
Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải tập trung	21
Bảng 3.4: Nội dung điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	29
Bảng 4.1: Giá trị giới hạn đối với nước thải	31
Bảng 5.1: Kế hoạch quan trắc giai đoạn vận hành thử nghiệm	33
Bảng 5.2: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	34

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Vị trí dự án	6
Hình 1.2: Hình ảnh đường và các biển báo an toàn giao thông	8
Hình 1.3: Hình ảnh hệ thống điện chiếu sáng và trạm điện của dự án	10
Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa	16
Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	17
Hình 3.3: Mô tả cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn	18
Hình 3.4: Sơ đồ công nghệ hệ thống bể xử lý nước thải.....	20

DANH MỤC VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	Bộ Y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CHXHCN	Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa
CP	Chính Phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐTV	Động thực vật
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KT-XH	Kinh tế xã hội
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quốc hội
QL	Quốc lộ
QLMT	Quản lý môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
VNĐ	Việt Nam đồng
VSMT	Vệ sinh môi trường
XLNT	Xử lý nước thải
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên chủ dự án đầu

- Tên chủ dự án: UBND huyện Nam Trực;
- Địa chỉ: Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
- Người đại diện: Ông Lưu Văn Dũng; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.
- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực.

- Người đại diện theo pháp luật của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực: Ông Lê Tuấn Hoàn; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

1.2. Tên dự án đầu tư

1.2.1. Tên dự án đầu tư

Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực

1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án

- Địa điểm thực hiện dự án: dự án có diện tích là 20.200 m² thuộc xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

1.2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

- Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

- Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

- Văn bản số 28/SXD-PTĐT&HTKT ngày 24/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Xây dựng khi dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

- Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

- Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Nam Định quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”.

1.2.5. Quy mô dự án đầu tư:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

- *Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*: tổng mức đầu tư của dự án là 24,99 tỷ đồng. Căn cứ theo quy định tại nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, dự án có quy mô tương đương nhóm C (nhóm C < 60 tỷ).

- *Phân loại theo tiêu chí môi trường*: Dự án thuộc số thứ tự 4 phụ lục IV ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ nên dự án thuộc nhóm II.

Căn cứ khoản 1 điều 39 và điểm a khoản 3 điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh Nam Định cấp Giấy phép môi trường. Nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án tuân theo cấu trúc của phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực với diện tích 20.200m², bao gồm các hạng mục chính:

- San nền mặt bằng;
- Hệ thống giao thông;
- Hệ thống thoát nước (nước thải và nước mưa thoát riêng); xử lý nước thải;
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy;
- Khuôn viên cây xanh;
- Hệ thống cấp điện sinh hoạt và trạm biến áp;
- Hệ thống chiếu sáng đường.

* Quy hoạch sử dụng đất:

Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực đã được triển khai trên phần diện tích là 20.200m², tại xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Toàn bộ khu đất được phân ra 3 khu chức năng sử dụng, bao gồm: đất ở, đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh, cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	10.006,01	49,5
2	Đất cây xanh	352,49	1,7
3	Đất giao thông, HTKT	9.841,50	48,7
Tổng		20.200	100

* Quy hoạch chia lô:

Theo quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

Nam Trực về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, toàn khu dân cư chia làm 88 lô (trong đó 84 lô liền kề và 4 lô biệt thự).

Bảng 1.2. Thống kê chia lô đất ở

STT	Loại lô	Số lô	Diện tích (m ²)
I	Lô liền kề		
1	Loại 92,5m ²	19	1.757,5
2	Loại 92,0m ²	55	5.525,0
3	Loại 163,0m ²	2	326,0
4	Loại 189,96m ²	1	189,96
5	Loại 190,94m ²	1	190,94
6	Loại 208,11m ²	1	208,11
7	Loại 214,0m ²	1	214,0
8	Loại 229,95m ²	1	229,95
9	Loại 240,96m ²	1	240,96
10	Loại 250,1m ²	1	250,1
11	Loại 259,0m ²	1	259,0
Tổng I		84	9.088,52
II	Lô biệt thự		
1	Loại 223,74 m ²	1	223,74
2	Loại 231,25m ²	3	693,75
Tổng II		4	917,49
Tổng I+II		88	10.006,01

*** Quy mô dân số trong khu dân cư:**

Theo quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực có 88 lô, quy mô mỗi hộ dân theo quy hoạch trung bình là 4 người/hộ. Vậy số lượng dân cư trong khu dân cư là: 88 hộ x 4 người/hộ = 352 người.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của khu dân cư

Quy trình hoạt động: Chủ dự án thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng khu đất → Xây dựng hạ tầng, kỹ thuật và chia lô → Hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định → Chuyển quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá đất → Bàn giao cho UBND xã Nam Thắng quản lý địa giới hành chính và thực hiện công tác BVMT cho Dự án.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án là khu dân cư hoàn chỉnh gồm: nhà ở với 88 lô (trong đó 84 lô liền kề và 4 lô biệt thự) và các công trình phụ trợ: hệ thống đường giao

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống cây xanh,...

- Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (gồm: san nền mặt bằng, xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống đường cống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống bể xử lý nước thải,...).

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng

Do loại hình dự án là công trình hạ tầng kỹ thuật, không phải là loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại nên dự án chỉ sử dụng hóa chất ở hệ thống xử lý nước thải của khu dân cư là cloramin B với lượng khoảng 5kg/tháng, vôi bột khoảng 120kg/năm.

1.4.1.1. Cấp điện

1.4.1.1.1. Nguồn cấp điện

Nguồn cấp điện: Dự án sử dụng nguồn điện được cấp bởi Chi nhánh Điện lực Nam Trực qua 1 trạm biến áp 400kVA-22/0,4kV.

1.4.1.1.2. Nhu cầu sử dụng điện

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

TT	Danh mục	Quy mô	Chỉ tiêu cấp điện	Hệ số đồng thời	Nhu cầu sử dụng (kW)
1	Đất khu ở liền kề	84 hộ	3kW/hộ	0,7	176,4
2	Đất khu ở biệt thự	4 hộ	5kW/hộ	0,7	14
3	Chiếu sáng đèn đường	9.699,38m ²	1W/m ²	0,7	6,8
4	Chiếu sáng khuôn viên cây xanh	494,61m ²	0,5W/m ²	0,7	0,2
Tổng					169,3

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước

1.4.2.1. Nguồn cấp nước

Nguồn nước cấp cho khu dân cư được đầu nối từ đường ống DN160 trên đường An Thắng (phía Nam khu dân cư tập trung xã Nam Thắng) theo thỏa thuận với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Nam Định tại Biên bản thỏa thuận đầu nối ngày 03/2/2023 về việc hiệp y đầu nối cấp nước sinh hoạt và cứu hỏa cho khu dân cư tập trung xã Nam Thắng huyện Nam Trực.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Theo tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt TCVN 33:2006 cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, đối với khu dân cư, lượng nước cần cung cấp là 100 lít/người/ngày. Khi dự án đi vào hoạt động với lượng dân cư dự kiến là 352 người, thì lượng nước sử dụng ước tính:

$$Q_{\text{cấp SH}} = 352 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 35,2 \text{ m}^3/\text{ngày} \approx 35 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nước tưới cây: theo QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng về tiêu chuẩn cấp nước phải đảm bảo tối thiểu cho tưới nước vườn hoa, công viên là 3 lít/m²/ngày.đêm, nước rửa đường đảm bảo tối thiểu là 0,4 lít/m²/ngày đêm. Do đó, lượng nước cấp tưới cây xanh, tưới đường là:

$$Q_{\text{tc}} = 494,61 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm} = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

$$Q_{\text{rd}} = 9.699,38 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày đêm} = 3,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Vậy tổng nhu cầu cấp nước cho khu dân cư là:

$$Q_{\text{cn}} = (35,2 + 1,5 + 3,9) = 40,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \approx 41 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Vị trí địa lý dự án

- Vị trí địa lý dự án:
 - + Phía Bắc giáp ruộng lúa.
 - + Phía Tây giáp ruộng lúa ;
 - + Phía Đông giáp nương nước, tiếp đến là khu dân cư xóm 11, xã Nam Thắng;
 - + Phía Nam giáp đường An Thắng, tiếp đến sông Dương A.
- Tọa độ khép góc của dự án như sau:

Vị trí	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y(m)	Vị trí	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y(m)
1	2255464.4600	578549.3400	7	2255325.3800	578674.7700
2	2255417.9400	578691.9800	8	2255332.2200	578658.5300
3	2255388.0500	578749.1600	9	2255343.6900	578627.4800
4	2255303.1600	578731.8800	10	2255356.9200	578588.6300
5	2255295.1500	578730.2500	11	2255366.5700	578559.2400
6	2255308.7700	578703.5600	12	2255381.0900	578514.7100



Hình 1.1: Vị trí dự án

1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, các hạng mục công trình của dự án đã hoàn thành xây dựng:

a. San nền

- Tổng diện tích san nền mặt bằng của dự án là 11.069,87 m² (không tính phạm vi đường giao thông).

- Vật liệu san nền bằng cát đen và một phần đất đào tận dụng, hệ số đầm chặt K85. Cao độ san nền trung bình +3.10 m.

b. Đất giao thông:

- Toàn bộ quy hoạch đường giao thông trong khu dân cư tập trung được thiết kế tổng thể hài hòa, kết nối với hệ thống đường giao thông hiện có của xã và hệ thống giao thông quy hoạch khu dân cư tập trung giai đoạn tiếp theo.

- Các tuyến đường nội bộ tuyến thủ theo quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt. Cao độ tim các tuyến đường là +3.10 m, độ dốc ngang mặt đường 2 mái $i=3\%$.

Bảng 1.4: Mặt cắt ngang các tuyến đường

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Hè + Mặt đường + Hè/Lề (m)
1	Đường N1	200,74	4+7+(tiếp giáp đường An Thắng)
2	Đường N2	228,84	4 + 7,5 + 4
3	Đường D1	82,25	4 + 7,5 + 2
4	Đường D2	50,24	4 + 7,5 + 4
5	Đường D3	85,35	4 + 7,5 + 2 (lề đất + taluy)

* **Kết cấu nền, mặt đường** (các tuyến đường được thiết kế đồng bộ với quy mô mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 120$ Mpa).

- Mặt đường BTN C12,5, dày 7cm.
- Tưới thấm bảm $1\text{kg}/\text{m}^2$;
- Lớp cấp phối đá dăm lớp trên đầm chặt K98, dày 15cm;
- Lớp cấp phối đá dăm lớp dưới đầm chặt K98, dày 24cm;
- Móng đường đá thải đầm chặt dày 20cm;
- Nền đường cát đen đầm chặt K98, dày 30cm;
- Nền đường cát đen đầm chặt K95.

* **Hè đường, đan rãnh, bó vỉa, bồn cây**

- Mặt hè: mặt hè lát gạch block lục lăng không màu kích thước (235x205x60)mm, lớp cát đen đầm chặt K90.
- Đan rãnh bê tông đúc sẵn đá 1x2 mác 200, kích thước (50x25x6)cm; lớp đệm vữa xi măng mác 75; móng bê tông đổ tại chỗ đá 4x6 mác 100;
- Bó vỉa bằng bê tông kích thước (22x25x100)cm đúc sẵn mác 200;
- Bó gáy vỉa hè: bê tông lót đá 2x4 mác 150 dày 10cm; xây gạch không nung mác 75, vữa xi măng mác 75 dày 11cm.
- Bồn cây trên vỉa hè: kích thước (1,0x1,0)m xây gạch không nung mác 75, vữa xi măng mác 75, đổ đất màu trồng cây xanh.

* **Tường chắn xây bằng đá hộc tại vị trí hè trái tuyến D1 và khu vực phía Bắc khu dân cư tiếp giáp với khu vực xung quanh chiều dài khoảng 305m:** chân khay, tường kè xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100, lớp đá dăm đệm dày 10cm, nền móng gia cố cọc tre dài 2,0m mật độ 20 cọc/ m^2 .

* **An toàn giao thông:**

- Thiết kế tổ chức giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Kẻ vạch sơn đường giao thông: Tim đường, mép đường, vạch giảm tốc độ, vạch đi bộ qua đường, vạch phân chia các làn xe... toàn bộ được dùng sơn dẻo nhiệt.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”



Hình 1.2: Hình ảnh đường và các biển báo an toàn giao thông

c. Hoàn trả mương phía Nam dự án:

- Giáp phía Nam dự án (dọc đường An Thắng) là mương đất do xã Nam Thắng quản lý, khi thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến mương đất này. Do đó chủ dự án đã tiến hành hoàn trả mương đất này bằng công hộp BxH=1,2x1,2m, chiều dài khoảng 230m, nằm dưới dải phân cách của đường N1.

- Kết cấu công hộp hoàn trả:

+ Công hộp kích thước (1,2x1,2)m đúc sẵn lắp ghép. Công hộp sản xuất tại xưởng có giấy chứng nhận xuất xưởng. Công đặt dưới đường chịu tải trọng ô tô (HL93). Thành và mặt đáy công dày 12cm.

+ Bê tông lót móng đá 2x4 mác 200 dày 10cm.

+ Lót đá mặt đệm dày 10cm.

+ Nền gia cố cọc tre dày 2,0m, mật độ 20 cọc/m².

d. Hệ thống cáp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng:

Sở Công thương tỉnh Nam Định đã có văn bản số 08/SCT-QLNL ngày 30/3/2023 về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực. Hạng mục: di chuyển, đền bù đoạn tuyến ĐZK - 22kV phục vụ GPMB và Xây dựng

mới TBA 320kVA-22/0,4kV; hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4kV.

*** Di chuyển, đền bù đoạn tuyến ĐZK 22Kv lộ 474 E.12 – Nhánh Dương A1 (từ vị trí cột số 4 đến cột số).**

- Đã thực hiện việc tháo dỡ, thu hồi vị trí cột số 4 đến cột số 6 của đoạn tuyến ĐZK 22kV lộ 474 E3.12 – nhánh Dương A1: bao gồm 3 vị trí cột bê tông ly tâm cao 12m, kèm theo các bộ xà, sứ, phụ kiện của đoạn tuyến trên và tháo dỡ thu hồi dây dẫn của đoạn tuyến tổng chiều dài khoảng $L_{td} = 194m$. Đồng thời đã thực hiện xây dựng đền bù một số cột điện, dây dẫn, phụ kiện đối với đoạn tuyến đã thu hồi;

*** Đã xây dựng mới nhánh rẽ ĐZK 22kV đến TBA 320kVA-22/0,4kV.**

*** Đã xây dựng 1 mới TBA 250kVA-22/0,4kV.**

*** Hệ thống cấp điện sinh hoạt**

Xây dựng hệ thống cột điện sinh hoạt dọc trên hè các trục đường bằng các đường dây cáp vặn xoắn ABC (4x70)mm² và cáp vặn xoắn ABC (4x50)mm².

+ Cột điện: Các vị trí cột đầu cuối tuyến, cột góc, cột chịu lực dùng cột bê tông ly tâm LT10-11,0 (cột cao 10m: F=11,0kN; Dn=190). Các vị trí đỡ trung gian dùng cột bê tông ly tâm LT10-5,0 (cột cao 10m, F=5,0kN; Dn=190). Toàn bộ cột điện được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam.

+ Móng cột: Sử dụng móng MT10-5,0, MT10-11,0. Móng đúc sẵn tại chỗ gồm bê tông đúc móng và chèn khe hở chân cột mác 150, xi măng PC-30, cát vàng, đá 2x4, đáy móng có tấm đan thép $\Phi 8$ lót móng.

+ Phụ kiện cáp vặn xoắn: Sử dụng phụ kiện chuyên dùng cho tuyến dây CVX. Các bộ kẹp đỡ, kẹp xiết CVX cùng với bộ đai thép và khóa đai bằng thép không rỉ. Đầu nối các nhánh rẽ, nối CVX với nhau sử dụng ghép chuyên dụng GN1 và GN2.

*** Hệ thống cấp điện chiếu sáng công cộng**

- Cấp nguồn cho tủ điện điều khiển hệ thống chiếu sáng từ hệ thống cấp điện 0,4kV khu dân cư tập trung xã Nam Thắng. Tủ điện TĐCS được chia làm 04 lộ: 03 lộ cấp điện cho sinh hoạt và 01 lộ cấp điện cho chiếu sáng trong khu dân cư.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng lấy điện từ tủ điện chiếu sáng. Tủ TĐCS cấp điện cho 15 bộ đèn LED-120W. Tuyến cáp chiếu sáng treo trên các cột BTLT. Cấp điện nguồn cấp cho các tủ ĐKCS sử dụng các loại cáp treo Al/XLPE(4x35)mm². Cấp điện cấp nguồn cho các đèn sử dụng các loại cáp Al/XLPE(4x25)mm².

- Kết cấu tuyến đèn chiếu sáng đường giao thông:

+ Cột đèn: Sử dụng các vị trí cột có sẵn của tuyến đường dây hạ thế 0,4kV

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

để lắp đặt các bộ chụp cần đèn. Chụp, cần đèn được chế tạo bằng thép ống mạ kẽm và thép hình, sau gia công được mạ kẽm nhúng nóng.

+ Bộ đèn: sử dụng đèn LED 100W

+ Dây đấu từ đường trục lên bộ đèn dùng dây đồng mềm 02 lớp cách điện Cu/PVC/PVC (2x2,5)mm² luồn trong cột đèn.

+ Các khoảng cấp chiếu sáng vượt đường, chiều cao của cáp tới mặt đường phải đảm bảo độ cao $h > 7m$.



Hình 1.3: Hình ảnh hệ thống điện chiếu sáng và trạm điện của dự án

Bảng 1.5: Bảng khối lượng phụ kiện cấp điện chiếu sáng

TT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Tủ điều khiển chiếu sáng	Tủ	01
2	Đèn cao áp	Bộ	33
3	Cột điện BTLT 10	Cột	33
4	Cần thép mạ kẽm chụp đầu cột	Bộ	33

e. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước cấp nước cho khu dân cư: được đầu nối từ đường ống DN160 trên đường An Thắng (phía Nam khu dân cư tập trung xã Nam Thắng) theo thỏa thuận với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Nam Định tại Biên bản thỏa thuận đầu nối ngày 03/2/2023 về việc hiệp y đầu nối cấp nước sinh hoạt và cứu hỏa cho khu dân cư tập trung xã Nam Thắng huyện Nam Trực.

- Mạng lưới đường ống phân phối nước: Được thiết kế là mạng cụt.

+ Nước cấp cho khu dân cư được dẫn bằng đường ống D110 (đường ống phân phối) đầu nối đường ống cấp nước hiện trạng. Từ ống phân phối đầu nối tuyến ống DN110 trong khu dân cư. Sử dụng các ống nhựa HDPE D110, D75 làm tuyến ống dẫn phân phối và dịch vụ cấp cho các hộ dân.

+ Chiều sâu đặt ống đến đỉnh ống trung bình khoảng 0,7-1m đối với ống phân phối và 0,5m đối với ống dịch vụ.

- Thiết kế 02 trụ cứu hỏa phục vụ PCCC cho khu dân cư. Nước chữa cháy sử

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

dụng hệ thống chữa cháy áp lực thấp.

Bảng 1.6: Thống kê hệ thống cấp nước

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống cấp nước HDPE – D110	m	275
2	Ống thép D125 luồn ống qua đường	m	45
3	Ống cấp nước HDPE – D75	m	613
4	Van chặn D110	cái	01
5	Van chặn D75	m	03
6	Tê HDPE – D110	cái	06
7	Đai khởi thủy D110	cái	01
8	Côn thu nhựa HDPE D110-75	cái	03
9	Cút góc HDPE D110	cái	03
10	Cút chéo HDPE D110	cái	01
11	Cút chéo HDPE D75	cái	09
12	Nút bịt D110, D75	cái	01-03
13	Trụ nước cứu hỏa	cái	03

f. Hệ thống thoát nước mưa:

Chủ dự án đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hệ thống thi gom và xử lý nước thải.

Hệ thống cống thoát nước mưa gồm: cống B400 chiều dài khoảng 403m, cống tròn chịu lực D400 dài khoảng 140,72m, cống D500 chiều dài khoảng 17,6m. Toàn bộ nước mưa của khu được thoát ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án tại 4 cửa xả.

- Kết cấu cống B400 trên hè:
 - + Tấm đan bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 đúc sẵn dày 7cm;
 - + Bê tông mũ cống đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ.
 - + Tường cống xây gạch không nung mác 75 vữa xi măng mác 75; trát trong cống vữa xi măng mác 75.
 - + Bê tông móng cống mác 150 dày 10cm, lớp đá mặt đệm dày 10cm.
- Kết cấu cống tròn D400+D500 dưới đường:
 - + Cống tròn D400+D500 chịu lực dưới đường mua sẵn, lắp ghép.
 - + Đế cống D400+D500 mua sẵn lắp ghép.
 - + Lớp đá mặt đệm dày 10cm.
 - + Nền gia cố cọc tre dài 2m, mật độ cọc 20 cọc/m².
- Kết cấu hố ga thoát nước kích thước (70x70)cm
 - + Tấm đan bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 đúc sẵn dày 7cm.
 - + Bê tông mũ hố ga đá 1x2 mác 200.
 - + Tường xây gạch không nung mác 75, vữa xi măng mác 75; trát trong hố

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

ga vữa xi măng mác 75.

+ Bê tông móng mác 150 dày 12cm; lớp đá mặt đệm dày 10cm.

g. Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải gồm: cống B300 chiều dài khoảng 432,71m sau dãy nhà dân; cống chịu lực qua đường cống D300 chiều dài khoảng 33,68m, D400 dài 63,78m. Nước thải được chảy tập trung về bể xử lý đặt tại khu khuôn viên cây xanh, nước thải được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Kết cấu cống B300 trên hè:

+ Tấm đan bê tông cốt thép M200 đá 1x2 đúc sẵn lắp ghép dày 7cm.

+ Bê tông mũ cống M200# đá 1x2 đổ tại chỗ.

+ Tường cống xây gạch không nung mác 75 vữa xi măng mác 75, trát trong cống vữa xi măng mác 75.

+ Bê tông móng cống mác 150 dày 10 cm, lớp đá mặt đệm dày 10cm.

- Kết cấu cống D300, D400 dưới đường:

+ Cống tròn D300, D400 dưới đường mua sẵn lắp ghép.

+ Đế cống mua sẵn lắp ghép.

+ Lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Nền gia cố cọc tre dài 2m; mật độ 20 cọc/m².

- Kết cấu hố ga thoát nước kích thước (70x70) cm:

+ Tấm đan bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 đúc sẵn dày 7cm.

+ Bê tông mũ hố ga đá 1x2 mác 200.

+ Tường xây gạch không nung mác 75, vữa xi măng mác 75, trát lòng hố vữa xi măng mác 75.

+ Bê tông móng mác 150 dày 12cm; lớp đá mặt đệm dày 10cm.

h. Hệ thống bể xử lý nước thải:

- Xây dựng 01 bể xử lý nước thải tại khu đất cây xanh phía Bắc dự án để xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, công suất bể xử lý nước thải là 50m³/ngày.đêm. Kích thước (17,8x4,3x2,2)m, thiết kế gồm các ngăn: ngăn thu, ngăn yếm khí, ngăn lắng, ngăn lọc, ngăn khử trùng, kết cấu bể như sau:

+ Nền móng bể gia cố cọc tre dài 2m, mật độ 20 cọc/m².

+ Bê tông lót móng mác 100 dày 10cm.

+ Đáy bể, thành bể bằng bê tông cốt thép mác 250#, đáy bể dày 30cm, thành bể dày 20cm.

+ Tường ngăn bể xây gạch không nung mác 75, vữa xi măng mác 75, bên trong trát tường vữa xi măng mác 75.

+ Nắp đan bê tông cốt thép mác 200, dày 10cm.

i. Khuôn viên cây xanh:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

- Chủ dự án đã xây dựng khuôn viên cây xanh với diện tích 352,49m² trong khu dân cư gồm hệ thống đường dạo xung quanh trồng cỏ lá tre kết hợp trồng cây 4 cây bàng dài loan làm bóng mát.

- Mặt đường dạo lát gạch terrazo KT (300x300)m.

1.5.3. Tiến độ thực hiện dự án

Bảng 1.7: Tiến độ thực hiện xây dựng dự án

TT	Giai đoạn dự án	Hạng mục công trình thực hiện	Thời gian thực hiện
I	Giai đoạn chuẩn bị		
	- Trình thẩm định dự án; Phê duyệt dự án đầu tư; Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư + Lập quy hoạch chi tiết 1/500; Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án; Lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình; Thẩm định phê duyệt thiết kế triển khai khai sau thiết kế cơ sở; GPMB thu hồi đất; Các công việc lựa chọn nhà thầu thi công, thực hiện thủ tục môi trường		Quý IV/2020÷ Quý II/2023
II	Giai đoạn thi công xây dựng		
	- San lấp mặt bằng - Tiến hành thi công hạ tầng kỹ thuật: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống bể xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng		Từ Quý II/2023 đến Quý III/2023
III	Giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng		
-	Giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đã xong, chủ dự án đã thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá		Quý II/2024
-	Thực hiện lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Dự án		Quý IV/2024
-	Chủ dự án tiến hành bàn giao cho UBND xã Nam Thắng quản lý về địa giới hành chính và các vấn đề về môi trường (các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, CTNH), triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,... các công việc này được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.		Quý I/2025
-	Vận hành thử nghiệm dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực có trách nhiệm vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định.		Quý II/2026
	Chủ dự án tiến hành bàn giao hệ thống bể xử lý nước thải cho UBND xã Thắng vận hành và quản lý		Quý IV/2026

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, nhiệm vụ bảo vệ môi trường quốc gia là: đẩy mạnh thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển các mô hình khu dân cư, tuyến đường... kiểu mẫu; xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp; duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn. Như vậy, dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050. Cụ thể đối với phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn: Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định gắn với công tác xây dựng nông thôn mới, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của mỗi vùng, mỗi khu vực; Phát triển xây dựng nông thôn theo hướng cải tạo chỉnh trang các giá trị hiện hữu; đầu tư chiều sâu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo bộ tiêu chí nông thôn mới, trên cơ sở duy trì sự ổn định của hệ thống dân cư có sẵn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống... Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh thuộc Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định. Khu dân cư tập trung xã Nam Thắng thuộc kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện, thành phố Nam Định.

- Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

- Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Nam Định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

Theo quy định tại điều 4 thông tư số 76/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và điều 82 thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022, dự án thải nước thải sau xử lý vào cống hoàn trả dưới đường N1 phía Nam dự án thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường.

Ngoài ra, Chủ dự án đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1 trước khi thải ra ngoài môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Kết quả thực hiện các công tác bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng

*** Quan trắc trong giai đoạn thi công xây dựng:**

Dự án được UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình tại quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023, sau khi có quyết định dự án thực hiện triển khai thi công xây dựng từ tháng 5/2024 và hoàn thành thi công xây dựng vào tháng 9/2024, tổng thời gian thi công xây dựng là 4 tháng.

Theo quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Nam Định quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực” thì tần suất quan trắc môi trường không khí xung quanh là 6 tháng/lần. Do tổng thời gian thi công xây dựng của dự án là 4 tháng nên chưa đến thời gian chủ dự án phải thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh.

3.2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành của dự án

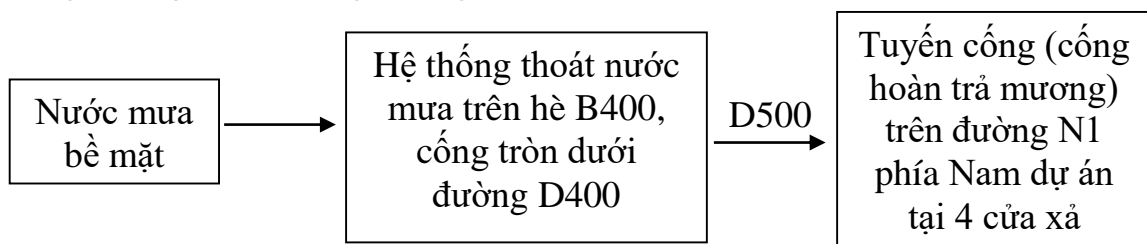
3.2.1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.2.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án đã được đầu tư xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo thoát nước mưa triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Nước mưa chảy tràn mặt đường được thu vào hệ thống cống đặt trên hè là cống xây B400, cống tròn chịu lực D400, cống tròn chịu lực D500, nước mặt được thu gom thoát ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án qua 04 cửa xả.

- Trên hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn có bố trí song chắn rác để loại bỏ rác thải có kích thước lớn và 26 hố ga để tăng khả năng lắng đọng các tạp chất. Khoảng cách giữa các hố ga trung bình 40m.



Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Cống xây thoát nước B400 trên hè	m	403
2	Cống tròn dưới đường D400	m	140,72
3	Cống tròn D500	m	17,6
5	Hố ga thoát nước mưa	hố	26
6	Cửa xả	cửa	4

- Cửa xả nước mưa: 04 vị trí.

- Tọa độ:

+ X_1 (m) = 2255376.57; Y_1 (m) = 578545.37;

+ X_2 (m) = 2255344.57; Y_2 (m) = 578640.12;

+ X_3 (m) = 2255332.05; Y_3 (m) = 578672.36;

+ X_4 (m) = 2255316.08; Y_4 (m) = 578703.51;

- Nguồn tiếp nhận nước mưa: tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án .

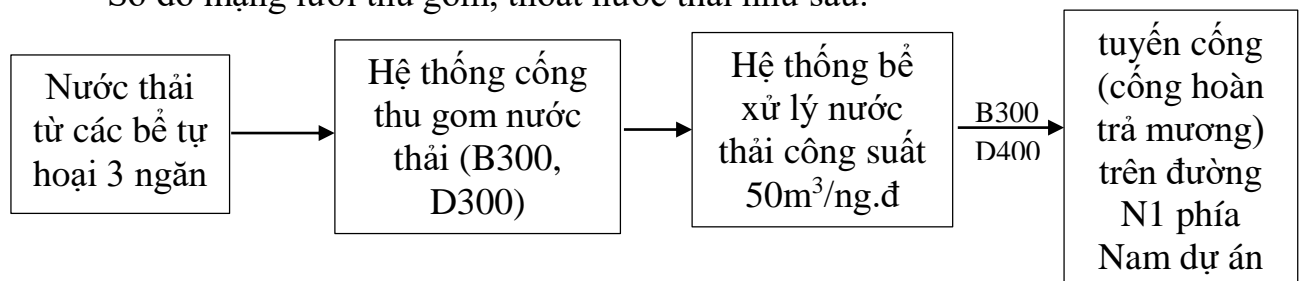
Tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án là cống hộp hoàn trả của dự án có kích thước (1,2x1,2)m dài 222,9m do UBND xã Nam Thắng quản lý.

3.2.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Chủ dự án sẽ yêu cầu các hộ dân trong khu dân cư phải xử lý nước thải sinh hoạt của hộ mình bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của toàn khu dân cư.

Hệ thống cống thoát nước thải: cống thoát nước thải phí sau các dãy nhà thiết kế cống xây B300, cống qua đường D300 chảy vào hệ thống xử lý nước thải (đặt tại khuôn viên cây xanh) nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép, sau đó theo đường cống theo cống B300, D400 trên đường D2 thoát ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án tại 1 cửa xả.

Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

Bảng 3.2. Bảng thống kê hệ thống thu gom và thoát nước thải

STT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống xây B300	m	432,71

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

2	Cống D300 dưới đường	m	33,68
	Cống D400 dưới đường	m	63,78
3	Hố ga nước thải	cái	20
4	Hệ thống bể XLNT công suất 35 m ³ /ngày.đêm	HT	01
5	Cửa xả	cái	01

- Cửa xả nước thải: 01 cửa xả tại cống hộp dưới đường N1.

+ Tọa độ điểm xả: X (m) = 2255338.80 ; Y (m) = 578655.86 (Hệ tọa độ VN2000).

- Nguồn tiếp nhận nước mưa: tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án .

Tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án là cống hộp do dự án hoàn trả lại mương đất có kích thước (1,2x1,2)m dài 222,9m do UBND xã Nam Thắng quản lý theo biên bản làm việc ngày 11/12/2024 giữa UBND xã Nam Thắng và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực về việc thống nhất thông số công trình, vị trí tiếp nhận nước thải của khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

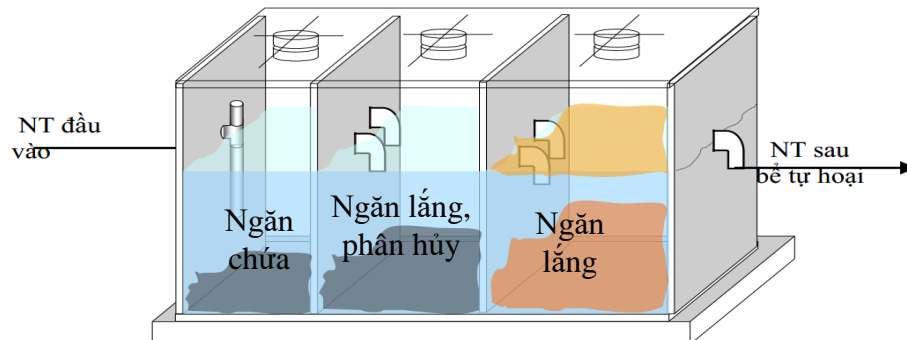
3.2.1.3. Xử lý nước thải

Theo tính toán tại chương I của báo cáo, tổng khối lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư 35,2 m³/ngày.đêm. Căn cứ điều 39, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp. Khối lượng nước thải phát sinh: $Q_{tsh} = 35,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

* Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại các hộ dân:

Các hộ dân trong khu dân cư được yêu cầu khi xây dựng nhà ở phải xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, sau đó đầu nối vào cống thu gom nước thải tập chung của khu dân cư.

+ Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:



Hình 3.3: Mô tả cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại dựa trên hoạt động của các vi sinh vật

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

phân huỷ yếm khí, các bể có chức năng lắng và phân huỷ cặn lắng. Nước thải thu về ngăn số 1 và chảy tràn sang ngăn số 2. Tại đây 70% - 85% chất hữu cơ được phân huỷ, bùn lắng xuống đáy ngăn. Nước thải phân huỷ ở ngăn số 2 sẽ chảy tràn sang ngăn số 3, qua các ngăn này hầu hết các cặn bã đều được giữ lại, chất hữu cơ bị phân huỷ thành CO₂, CH₄ và H₂O do có bổ sung thêm vi sinh vật, nước thải sau đó sẽ chảy theo đường ống dẫn về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Nước sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó thoát ra tuyến cống (cống hoàn trả) trên đường N1 phía Nam dự án. Các chất cặn bã trong bể tự hoại được định kỳ hút và đưa đi xử lý.

+ *Thể tích bể tự hoại:*

Căn cứ tính toán thể tích bể tự hoại theo hướng dẫn tại Mục 7.3.2 của Tiêu chuẩn TCXD 51:1984 – Tiêu chuẩn thoát nước – Mạng lưới bên ngoài và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, cụ thể như sau:

- Thể tích tính toán của bể tự hoại: chọn thời gian lưu chứa của bể tự hoại 7 ngày đêm để tính toán.

Tính toán thiết kế bể tự hoại ba ngăn:

Thể tích phần lắng: $W_1 = (a \times N \times T) / 1000 = (100 \times 4 \times 3) / 1000 = 1,2 \text{ (m}^3\text{)}$

Thể tích phần chứa bùn: $W_b = (b \times N \times t) / 1000 = (0,08 \times 4 \times 365) / 1000 = 0,12 \text{ (m}^3\text{)}$

Thể tích tổng cộng của bể tự hoại: $W = W_1 + W_b = 1,2 + 0,12 \approx 1,32 \text{ (m}^3\text{)}$

Trong các công thức trên:

a: Tiêu chuẩn thải nước (100l/người.ngày.đêm);

b: Tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày đêm, giá trị của b phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể, nếu thời gian giữa hai lần hút cặn dưới một năm thì b lấy bằng 0,1 l/ng.ngày.đêm, nếu trên 1 năm thì lấy b=0,08 l/ng.ngày.đêm.

N: Số người sử dụng, tính trung bình mỗi hộ là 4 người.

T: Thời gian lưu nước, (chọn T là 3 ngày).

t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại. (chọn t =365 ngày)

- Đối với thể tích tính toán lưu chứa nước cho từng ngăn:

+ Thể tích ngăn thứ nhất lấy bằng 1/2 thể tích tổng cộng (TCXD-51-84).

$$W_1 = 0,5 * 1,32 = 0,66 \text{ (m}^3\text{)}.$$

+ Thể tích ngăn thứ hai và thứ ba lấy bằng 1/4 thể tích tổng cộng (TCXD-51-84)

$$W_2 = W_3 = 0,25 * 1,32 = 0,33 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Như vậy thể tích tối thiểu của bể tự hoại trong mỗi hộ dân cư phải đảm bảo thể tích $\geq 1,32 \text{ m}^3$.

*** Quy trình xử lý nước thải tại bể xử lý nước thải tập trung:**

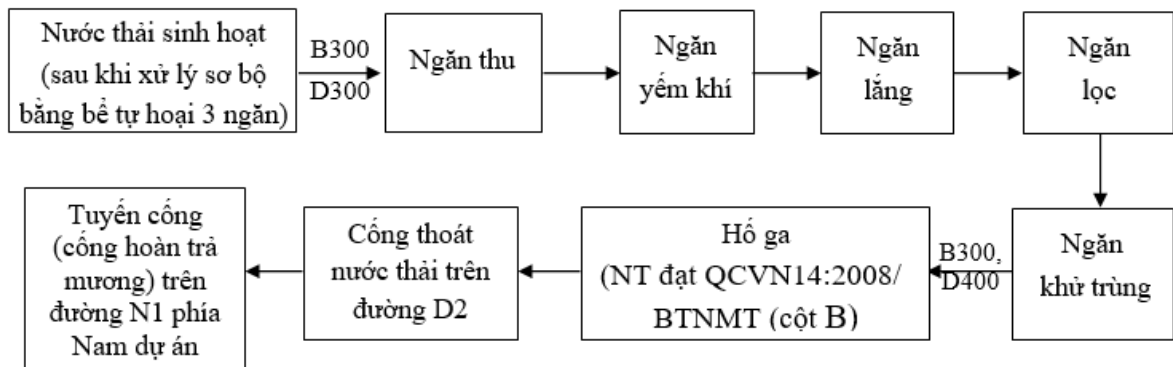
Chủ dự án đã đầu tư hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m³/ngày trên diện tích 81m², đặt ngầm trong khu đất cây xanh CX.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Nhà Việt.

Đơn vị thi công: Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hồng Linh và Công ty Cổ phần Thành Phát Đạt

Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Phong Thành Công.

Hệ thống bể xử lý nước thải công suất 50m³/ngày được đặt ngầm trong khu đất cây xanh của dự án; gồm ngăn thu (1 ngăn), ngăn yếm khí (4 ngăn), ngăn lắng (1 ngăn), ngăn lọc (1 ngăn), ngăn khử trùng (1 ngăn). Nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT (cột B) sẽ thoát ra tuyến công (công hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án .



Hình 3.4: Sơ đồ công nghệ hệ thống bể xử lý nước thải

*** Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:**

+ Ngăn thu: Nước thải sinh hoạt được thu gom theo hệ thống đường ống thu nước dẫn vào ngăn chứa nước đầu vào của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung để ổn định lưu lượng, nồng độ nước thải. Trước khi vào ngăn chứa nước, nước thải sẽ đi qua song chắn rác để loại bỏ các loại rác có kích thước > 10mm. Sau đó theo đường ống PVC D200 chảy sang ngăn yếm khí.

+ Ngăn yếm khí: tại đây diễn ra quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ bởi các vi sinh vật yếm khí. Do nước thải sinh hoạt trước khi về hệ thống bể xử lý nước thải tập trung đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn với thời gian lưu nước tối thiểu 2 ngày do đó sẽ giảm thiểu đáng kể thời gian xử lý yếm khí tại hệ thống bể xử lý nước thải tập trung.

Tại ngăn yếm khí nước thải được phân bố đều trên diện tích đáy bể và đi từ dưới lên qua lớp đệm bùn lơ lửng, khi qua lớp bùn này, hỗn hợp bùn (vi sinh vật) yếm khí trong bể sẽ hấp phụ chất hữu cơ (BOD₅, COD...) hòa tan trong nước thải, đồng thời phân hủy và chuyển hóa chúng thành khí metan, cacbonic và các khí khác. Hỗn hợp nước thải và bùn hoạt tính sau đó được dẫn qua ngăn lắng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

+ Ngăn lắng: Tại đây diễn ra quá trình lắng sinh học nước thải, bùn cặn có trọng lượng lớn sẽ được lắng xuống đáy. Lớp nước bên trên sẽ chảy sang ngăn lọc.

+ Ngăn lọc: Nước thải từ ngăn lắng sẽ lần lượt đi qua 04 lớp vật liệu lọc là đá 4x6, sỏi, than hoạt tính, đá 2x4. Nước thải từ ngăn lắng sang ngăn lọc, nước đi từ dưới lên lần lượt qua các lớp vật liệu lọc, mỗi lớp có bề dày 50cm. Khi nước thải đi qua một lớp vật liệu, các chất rắn có kích thước lớn hơn sẽ bị giữ lại trên bề mặt vật liệu lọc hoặc giữa các khe hở của lớp vật liệu lọc. Quá trình lọc nhằm loại bỏ các chất rắn lơ lửng, khử bớt nước của bùn lầy ra từ ngăn lắng. Lớp than hoạt tính dùng để hấp phụ. Nguyên tắc chủ yếu của quá trình hấp phụ là bề mặt của các chất rắn (sử dụng làm chất hấp phụ) khi tiếp xúc với nước thải có khả năng giữ lại các chất hòa tan trong nước thải trên bề mặt của nó do sự khác nhau của sức căng bề mặt. Quá trình hấp phụ có hiệu quả trong việc làm giảm hơi mùi, màu, COD, BOD₅ còn trong nước thải... Các lớp vật liệu lọc sau một thời gian sử dụng sẽ bão hòa và mất khả năng hấp phụ và cần được thau rửa hoặc thay thế vật liệu mới, Chủ dự án sẽ căn cứ vào khả năng hấp phụ của vật liệu lọc để có chế độ thay thế hoặc thau rửa phù hợp. Quá trình thay thế vật liệu lọc thực hiện bằng cách thủ công: nhắc nắp bể lên sau đó tiến hành thay vật liệu lọc hoặc thau rửa.

+ Ngăn khử trùng: Nước thải sau khi qua các ngăn vật liệu lọc theo đường ống chảy vào ngăn khử trùng. Tại ngăn khử trùng có bổ sung hóa chất Cloramin (dạng viên 200g/viên, đặt trong ống nhựa có đường kính $\Phi 150$, ống nhựa được thiết kế đi xuyên qua nắp ngăn bể khử trùng với chiều cao cách nắp bể khoảng 10cm, có nắp bịt đầu đường ống thể thuận lợi cho việc bổ sung hóa chất khử trùng dạng viên vào ống mà không phải cạy nắp bê tông) nước thải đi qua sẽ được loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform có trong nước thải, do đó tránh được khả năng lan truyền các vi sinh gây bệnh ra môi trường. Hóa chất khử trùng sẽ được tính toán bổ sung hàng tuần để tiêu diệt hoàn toàn các vi sinh vật gây bệnh còn sót lại trong nước thải.

Nước thải từ ngăn khử trùng xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo đường ống B300, cống D400 trên đường D2, thoát ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án tại 01 cửa xả.

Tọa độ xả thải X (m) = 2255338.80 ; Y (m) = 578655.86 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

Việc quản lý vận hành hệ thống bể xử lý nước thải do UBND xã Nam Thắng chịu trách nhiệm quản lý và vận hành.

Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải tập trung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

TT	Nội dung	Số lượng	Kích thước	Thể tích (m ³)
1	Ngăn chứa nước đầu vào	01	2,25m x 3m x 2m	13,5
2	Ngăn yếm khí	01	2,25m x 3m x 2m	94,5
		03	4,5m x 3m x 2m	
3	Ngăn lắng	01	4,5m x 3m x 2m	27
4	Ngăn lọc	01	2,25m x 3m x 2m	13,5
5	Ngăn khử trùng	01	2,25m x 3m x 2m	13,5
6	Hố ga chứa nước thải đầu ra	01	1m x 1m x 1,5m	1,5

*** Hóa chất sử dụng cho hệ thống bể xử lý nước thải**

Hệ thống bể xử lý nước thải sử dụng hóa chất khử trùng là Cloramin dạng viên (200g/viên) với khối lượng khoảng 5kg/tháng.

3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hoạt động của dự án sẽ phát sinh khí thải hoạt động nấu nướng, các phương tiện giao thông, điều hòa, đồng thời phát sinh mùi từ khu vực tập kết rác, hệ thống bể xử lý nước thải. Chủ dự án đã đề ra các biện pháp giảm thiểu như sau:

3.2.2.1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ giao thông

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông: chủ dự án đã lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu để phân luồng giao thông. Xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định.

- Đảm bảo vệ sinh đường sạch sẽ, tưới đường thường xuyên, trên tất cả các tuyến đường, đặc biệt vào thời điểm khô hanh.

- Trồng cây xanh: Cây xanh là yếu tố quan trọng tạo nên cảnh quan sinh thái của khu nhà ở. Mặt khác, cây xanh tạo lớp cách ly tiếng ồn, bụi cho các khu nhà. Ngoài khu công viên, cây xanh còn được bố trí trồng trên vỉa hè, đường giao thông. Tỷ lệ khuôn viên cây xanh của dự án đạt 1,7% tổng diện tích mặt bằng dự án.

- Trong giai đoạn các hộ dân xây dựng nhà ở: Biện pháp giảm thiểu bụi do bào mòn của gió được thực hiện như sau: Sử dụng bạt che chắn khu vực chứa VLXD và tưới nước tạo độ ẩm cát xây dựng. Ngoài ra đối với các phương tiện vận chuyển phải chở đúng trọng tải và có bạt che.

3.2.2.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt từ điều hoà nhiệt độ

Nguồn nhiệt phát sinh chủ yếu từ dự án khi khu dân cư đi vào hoạt động khai thác là do hoạt động của hệ thống máy điều hoà. Đối với nguồn nhiệt phát sinh từ điều hoà nhiệt độ: Đây là nguồn nhiệt phát sinh bên ngoài các tòa nhà do cục nóng của điều hoà tỏa ra. Mỗi căn hộ sẽ có từ 1 đến 3 cục nóng bên ngoài tòa nhà, do tính chất mỗi hộ gia đình dùng điều hoà riêng và nhu cầu sử dụng điều hoà nhiệt độ của mỗi hộ gia đình là khác nhau nên biện pháp giảm thiểu ô nhiễm

nhiệt từ nguồn này là không dễ. Biện pháp khả thi nhất để giảm thiểu ô nhiễm nhiệt từ điều hoà là có chế độ sử dụng hợp lý bằng cách đặt chế độ nhiệt độ trong nhà phù hợp. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ khí gas.

3.2.2.3. Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt và khí thải từ hoạt động nấu ăn

Hoạt động nấu ăn của người dân trong các toà nhà chủ yếu dùng nguồn năng lượng chính là điện và gas do vậy ít gây ô nhiễm môi trường. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm là lắp đặt hệ thống quạt hút khí, nhiệt phía trên nhà bếp, nhằm hút nhiệt và khí độc hại ra khỏi căn nhà.

3.2.2.4. Biện pháp giảm thiểu hơi mùi phát sinh từ hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung

- Khu vực xây dựng hệ thống bể xử lý nước thải tập trung phải có biển cảnh báo để người dân không đi vào khu vực này.

- Hệ thống bể xử lý được xây ngầm trong khuôn viên khu đất cây xanh, nắp đậy bằng bê tông cốt thép.

- Định kỳ 1-2 tuần/lần tiến hành phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột xung quanh khu vực xử lý nước thải và khu vực tập kết rác thải để hạn chế ruồi nhặng, hơi mùi phát sinh.

3.2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* Nguồn phát sinh:

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong khu dân cư từ hoạt động sinh hoạt (thức ăn thừa, phần thải bỏ từ rau, củ, quả và vật dụng gia đình hỏng thải,...) của các hộ dân, rác thải từ công cộng và khu xử lý nước thải tập trung.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (tại mục 2.12: Yêu cầu về thu gom, vận chuyển và xử lý CTR), thì lượng chất thải rắn phát sinh đối với đô thị loại V, định mức thải là 0,8 kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải ra 1 ngày tại khu dân cư là: 352 người x 0,8kg = 281,6 kg/ngày tương đương với $\approx 0,28$ tấn/ngày.

- Rác thải công cộng: Căn cứ tình hình hoạt động của một số khu dân cư cho thấy, tỉ lệ rác thải công cộng (lá cây, đất cát,...) chiếm khoảng 10% tổng lượng rác thải phát sinh. Lượng rác thải công cộng là: 281,6 kg/ngày x 10% = 28,2 kg/ngày = 0,028 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải chỉ có tính chất là bùn hữu cơ nên sẽ thu gom, xử lý như chất thải thông thường.

Tham khảo một số mô hình xử lý nước thải tương tự trên địa bàn tỉnh Nam Định, lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống thu gom xử lý nước thải trung bình là

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

0,026 kg/m³ nước thải/ngày. Với lượng nước thải phát sinh khi khu dân cư đi vào hoạt động cần phải xử lý là 35,2 m³/ngày thì lượng bùn phát sinh cần xử lý là 0,9 kg/ngày tương khoảng 27 kg/tháng (hệ thống xử lý nước thải hoạt động 30 ngày/tháng). Tổng khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải ước tính khoảng 324 kg/năm.

- Chất thải từ vật liệu lọc của bể xử lý nước thải sinh hoạt: Định kỳ 1 lần/năm, chủ dự án sẽ thay vật liệu lọc với khối lượng như sau:

+ Lớp đá 4x6: kích thước (2,25x3x0,35)m tương đương 2,4 m³. Khối lượng riêng của đá là 1,5 tấn/m³. Khối lượng của sỏi cuội trong hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 3,6 tấn.

+ Lớp sỏi cuội: Kích thước (2,25x3x0,35)m, tương đương 2,4 m³. Khối lượng riêng của sỏi là 1,56 tấn/m³. Khối lượng của sỏi cuội trong hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 3,7 tấn.

+ Lớp than hoạt tính: Kích thước (2,25x3x0,1)m, tương đương 0,7 m³. Khối lượng riêng của than hoạt tính là 0,45 tấn/m³. Khối lượng của than hoạt tính trong hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 0,3 tấn.

+ Lớp đá 2x4: Kích thước (2,25x3x0,35)m, tương đương 2, m³. Khối lượng riêng của cát là 1,5 tấn/m³. Khối lượng của cát trong hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 3,6 tấn.

Vậy tổng khối lượng chất thải rắn khi tiến hành thay thế vật liệu lọc của hệ thống bể xử lý nước thải là là: 3,6 + 3,7 + 0,3 + 3,6 = 11,2 tấn/năm.

* *Biện pháp lưu giữ, xử lý:*

Sau khi hoàn thành việc đấu giá đất và bàn giao đất cho người trúng đấu giá làm nhà ở, chủ dự án bàn giao lại cho UBND xã Nam Thắng quản lý và vận hành. Do đó, UBND xã Nam Thắng có trách nhiệm quản lý chất thải rắn phát sinh trong khu dân cư trong giai đoạn đi vào hoạt động.

- Trách nhiệm của UBND xã Nam Thắng:

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường cho người dân trong khu dân cư. Yêu cầu 100% hộ dân phải phân loại, lưu giữ chất thải sinh hoạt theo quy định tại điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Yêu cầu các hộ dân thực hiện nghiêm túc các quy định, đóng kinh phí vệ sinh môi trường.

+ Bố trí địa điểm tập kết xe thu gom chất thải sinh hoạt tại khu vực khuôn viên cây xanh.

+ Thực hiện thu gom chất thải sinh hoạt từ địa điểm tập kết rác thải của khu dân cư và chất thải công cộng về khu xử lý rác thải tập trung của xã Nam Thắng để xử lý chất thải theo quy định.

- Trách nhiệm của người dân trong khu dân cư:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Định”

+ Khuyến khích người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định tại điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, rác thải sinh hoạt phân làm 3 loại: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với các loại chất thải có thể tái chế người dân thu gom, tận dụng bán cho người thu mua phế liệu. Chất thải thực phẩm và các loại chất thải khác người dân thu gom thải bỏ tại địa điểm tập kết xe thu gom chất thải của khu dân cư và tổ thu gom của xã Nam Thắng sẽ thu gom từ địa điểm tập kết để vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của xã để xử lý.

- Đối với chất thải công cộng được tổ vệ sinh môi trường của xã quét dọn, thu gom về địa điểm tập kết xe thu gom chất thải sinh hoạt tại khuôn viên cây xanh sau đó vận chuyển đến khu xử lý rác thải của xã.

- Đối với bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải, UBND xã Nam Thắng sẽ thuê đơn vị có chức năng định kỳ hút bỏ (bằng xe bồn) vận chuyển xử lý.

- Vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải cần được thay rửa thường xuyên và sẽ phải thay thế định kỳ 1 lần/năm. Khối lượng vật liệu lọc thải này sẽ được UBND xã thuê đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý đúng quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*** Nguồn phát sinh:**

+ Bóng đèn huỳnh quang, pin thải,...

*** Khối lượng phát sinh CTNH**

Căn cứ số liệu thống kê của Ngân hàng thế giới năm 2018 và báo cáo tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2019, cho thấy tỉ lệ thu gom rác thải của các khu xử lý chất thải rắn tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định thì tải lượng chất thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt khu dân cư, các công trình công cộng ước tính chiếm khoảng 0,1% tổng lượng rác thải phát sinh. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh là:

$$Q = 281,6 \text{ kg/ngày} \times 0,1\% \approx 0,28 \text{ kg/ngày.}$$

Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 0,28 kg/ngày.

*** Biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH**

UBND xã Nam Thắng sẽ đưa ra các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại rác tại nguồn; bố trí thùng chứa pin thải ở vị trí phù hợp để người dân thải bỏ.

Trong trường hợp chất thải nguy hại còn lẫn trong chất thải rắn thông thường, đội thu gom rác thải của xã sẽ thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác thải của xã, sau đó phân loại, lưu giữ theo quy định.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định về quản lý CNTH.

Đối với CTNH phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị kỹ thuật:

UBND xã Nam Thắng sẽ thuê đơn vị có chức năng đến bảo trì, bảo dưỡng và đơn vị này phải chịu trách nhiệm thu gom, xử lý CTNH theo quy định..

3.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Khi dự án đi vào hoạt động, các công trình được đưa vào sử dụng thì nguồn gây tiếng ồn và độ rung ở giai đoạn này chủ yếu là hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận. Tuy nhiên, đây là nguồn gây ô nhiễm không tránh khỏi khi dự án đi vào hoạt động nhưng quãng đường phương tiện đi trong khu vực dự án là ngắn nên ảnh hưởng của tiếng ồn là không đáng kể.

3.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

3.2.6.1. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của bể xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.

- Vận hành thường xuyên hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Hóa chất sử dụng đúng tỷ lệ quy định.

- Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

- Khi hệ thống bể xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, hệ thống nước thải vượt công suất hoặc tắc nghẽn, vỡ đường ống thu gom, UBND xã sẽ cử cán bộ tiến hành kiểm tra hệ thống bể xử lý nước thải, tìm nguyên nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời. Sau khi khắc phục các sự cố nước thải được xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) mới thải ra cống hợp trên đường N1 phía Nam dự án.

3.2.6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư tập trung. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được cơ quan chức năng kiểm tra, chấp thuận.

- Mặt bằng được bố trí bảo đảm các tiêu chuẩn phòng chống cháy. Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ hợp lý tuân theo các quy định, đảm bảo thoát người và tài sản ra khỏi khu vực nhanh chóng.

- Mạng lưới cấp nước có áp lực cao, đủ lưu lượng.

- Tuyên truyền cho các hộ gia đình chỉ sử dụng các thiết bị có yêu cầu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

ngghiêm ngặt khi đã được kiểm định như máy nén khí, bình chứa gas, thang máy....

- Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như: Khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các đường điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp địa thật an toàn.

- Khi phát hiện rò, rỉ khí gas cần thực hiện những biện pháp xử lý sau: Tuyệt đối không làm phát sinh tia lửa như: Bật/tắt công tắc điện, quạt điện, sử dụng điện thoại di động. Ngay lập tức khóa van cấp gas; Mở thông thoáng các cửa, dùng quạt thủ công để làm phát tán khí gas. Nếu thấy chỗ rò, rỉ thì dùng vải ướt quấn quanh chỗ rò, rỉ hoặc dùng xà phòng bánh để bịt lỗ rò, rỉ tạm thời; Nếu xảy ra sự cố khi đang sử dụng phải dùng chăn ướt phủ lên bếp hoặc bình cho tắt lửa hoặc dùng bình chữa cháy phun dập tắt đám cháy; Báo ngay cho nhà cung cấp đến xử lý.

- Hàng năm tổ chức tập huấn và diễn tập phương án PCCC trong khu dân cư.

3.2.6.3. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố thiên tai

- Để hạn chế thiệt hại do bão lũ có thể gây ra, Chủ dự án sẽ phối hợp với tổ trưởng của các khu dân cư (do dân bầu) lên kế hoạch phòng chống như sau:

+ Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.

+ Kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng: hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, các hạng mục công trình, khơi thông cống rãnh,...

+ Định kỳ nạo vét bùn cặn, rác thải trong hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước được khơi thông không bị ách tắc trước mỗi mùa mưa bão.

+ Thành lập ban phòng chống lũ lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Nếu phát hiện hiện tượng bất thường xảy ra nhanh chóng báo với chính quyền địa phương để có phương án giải quyết kịp thời.

- Biện pháp phòng, chống sét:

+ Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong khu dân cư, các trạm biến áp,...

+ Yêu cầu các hộ gia đình, hộ kinh doanh đến sinh sống và làm việc trong khu dân cư phải xây dựng hệ thống chống sét.

3.2.6.4. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố ngập úng

Trường hợp mưa lớn kéo dài dẫn đến hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư không tiêu thoát kịp gây ú đọng, ngập úng cục bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế UBND xã sẽ có những biện pháp cụ thể như sau:

- Khi có dự báo mưa to đến mưa rất to ban phòng chống lụt, bão của UBND

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

xã sẽ phối hợp với người dân trong khu dân cư xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến người dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.

- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công trình cho người dân.

- Bố trí máy bơm nước để hỗ trợ việc tiêu thoát nước cho khu vực bị ngập úng ngay khi hết mưa.

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

3.2.6.5. Sự cố tai nạn giao thông

- Quy định tốc độ xe ra vào khu dân cư.

- Phân luồng các đường nơi có mật độ giao thông lớn thành hai làn đường tránh tình trạng tắc nghẽn.

3.2.6.6. Biện pháp phòng ngừa dịch bệnh

Khi dịch bệnh phát sinh cần nhanh chóng liên hệ với chính quyền địa phương, các ban hành chức năng và thực hiện theo hướng dẫn chỉ đạo.

3.3. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án đã thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, Dự án đã được điều chỉnh một số nội dung theo các văn bản sau:

- Văn bản số 28/SXD-PTĐT&HTKT ngày 24/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

- Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực.

Những nội dung thay đổi của Dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

Thắng, huyện Nam Trực thực tế hiện nay so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt được liệt kê dưới bảng sau:

Bảng 3.4: Nội dung điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

STT	Nội dung	Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt	Lý do thay đổi
1	Quy mô dân số	88 hộ dân với 400 người	88 hộ dân với 352 người	Dự án quy hoạch với 88 lô đất. Tính trung bình 1 hộ dân là 4 người thì số lượng dân cư là 352 người.
2	Đường giao thông			
2.1	Đường D1	Dài 90,36m	Dài 82,25m	Chủ dự án điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và đã được Sở Xây dựng tỉnh Nam Định thẩm định tại văn bản số 28/SXD-PTĐT&HTKT ngày 24/4/2023 và UBND huyện Nam Trực phê duyệt theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2.2	Đường D2	Dài 67,7m	Dài 50,24m	
2.3	Đường D3	Dài 94,28	Dài 85,35m	
2.4	Đường N1	Dài 232,7m	Dài 200,74 m	
2.5	Đường N2	Dài 216 m	Dài 228,84m	
3	Hệ thống thoát nước mưa			
3.1	Ga thu nước mưa	31 hố	26 hố	Chủ dự án điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và đã được Sở Xây dựng tỉnh Nam Định thẩm định tại văn bản số 28/SXD-PTĐT&HTKT ngày 24/4/2023 và UBND huyện Nam Trực phê duyệt theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
3.2	Cống xây thoát nước B400 trên hè	Dài 450,2m	Dài 403m	
3.3	Cống tròn D500 dưới đường	Dài 38,8m	Dài 17,6m	
3.4	Cống tròn chịu lực D400	Dài 105,1m	Dài 140,72m	
3.5	Cống hộp (1,2x1,2)m hoàn trả	Dài 230m	Dài 222,9m	
4	Hệ thống thu gom nước thải			
4.1	Cống xây B300	Dài 469,89m	Dài 432,71m	Chủ dự án điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và đã được Sở Xây dựng tỉnh
4.2	Hố ga	15 hố	20 hố	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

	nước thải			Nam Định thẩm định tại văn bản số 28/SXD-PTĐT&HTKT ngày 24/4/2023 và UBND huyện Nam Trực phê duyệt theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
4.3	Cống tròn chịu lực D400	Dài 93,95m	Dài 63,78m	
4.4	Cống tròn chịu lực D300	Không có	Dài 33,68m	
5	Tọa độ xả nước thải	X:2255333.5600 Y: 578655.2100	X(m)= 255338.80 Y (m) = 78655.86	Do quy đổi có sai sót nên Chủ dự án đã xác định lại tọa độ và có hiệp y lại với Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Ninh tại biên bản làm việc ngày 2/12/2024
6	Tiến độ dự án	Từ năm 2021 - 2023	Từ năm 2021- 2024	Chủ dự án điều chỉnh cho phù hợp với thực tế thực hiện dự án và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện tại quyết định số 27/NQ-HĐND ngày 13/3/2024
7				

Theo quy định tại mục b, khoản 4 điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì các thay đổi của dự án sẽ được tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để cơ quan thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả nước thải tối đa là: 50 m³/ngày đêm.

4.1.3. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý của bể xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải là QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1 (khu dân cư có 88 hộ > 50 hộ)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn đối với nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)
			C = C _{max}
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- **Vị trí xả nước thải:** nước thải sau xử lý thải ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án tại 1 cửa xả.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

+ Tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 2255338.80 ; Y (m) = 578655.86 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- *Phương thức xả thải*: tự chảy.

- *Chế độ xả thải*: gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

- *Nguồn tiếp nhận nước thải*: tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không có.

CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình xử lý chất thải: Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm;

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: khi dân cư lấp đầy khoảng 50% dân số, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực sẽ gửi văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 3 - 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh thời gian vận hành thử nghiệm, chủ dự án sẽ gửi văn bản báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Công suất của hệ thống xử lý nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm đạt 50% công suất thiết kế.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án:

Căn cứ Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch quan trắc chất thải của cơ sở như sau:

Bảng 5.1: Kế hoạch quan trắc giai đoạn vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý	Vị trí lấy mẫu	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Tần suất, thông số
Hệ thống bể xử lý nước thải công suất thiết kế 50 m ³ /ngày	- 01 mẫu đầu vào tại ngăn thu; - 03 mẫu nước thải hồ ga sau ngăn khử trùng	Thực hiện trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.	- Tần suất: 01 ngày/lần, - Thông số: Lưu lượng, pH; BOD ₅ ; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan; sunfua; Amoni (tính theo N); Nitrat; Phốt phat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliforms.

5.1.3. Tổ chức, đơn vị quan trắc, đo đạc, lấy mẫu và phân tích

Đơn vị thực hiện quan trắc lấy mẫu trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: chủ dự án sẽ lựa chọn đơn vị được cấp phép theo quy định của Bộ Tài nguyên và

Môi trường để thực hiện quan trắc, đo đạc lấy và phân tích mẫu cho chủ dự án.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra tuyến cống (cống hoàn trả mương) trên đường N1 phía Nam dự án.

Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra, pH; BOD₅; tổng chất rắn lơ lửng (TSS); tổng chất rắn hòa tan; sunfua; Amoni (tính theo N); Nitrat; Phốt phat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliforms.

- Tần suất, quan trắc giám sát: 1 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng hệ số K = 1 do khu dân cư có 88 hộ > 50 hộ).

- Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của dự án

Không có.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 5.2: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Đơn giá (VNĐ) (QĐ 20/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Nam Định)	Thành tiền (VNĐ)
1	pH	Mẫu	1	71.393	71.393
2	BOD ₅ (ở 20 ⁰ C)	Mẫu	1	174.132	174.132
3	COD	Mẫu	1	221.921	221.921
4	Chất rắn lơ lửng	Mẫu	1	162.232	162.232
5	Amoni (theo N)	Mẫu	1	212.827	212.827
6	Nitrat	Mẫu	1	260.454	260.454

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Đơn giá (VNĐ) (QĐ 20/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Nam Định)	Thành tiền (VNĐ)
7	Phốt phát (tính theo P)	Mẫu	1	212.103	212.103
8	Sunfua	Mẫu	1	247.424	247.424
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	Mẫu	1	446.270	446.270
10	Các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	423.772	423.772
11	Coliform	Mẫu	1	474.477	474.477
12	Lưu lượng	Mẫu	1	114.751	114.751
Tổng trước thuế					3.021.756

CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

UBND huyện Nam Trực xin cam kết:

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án: Luật bảo vệ môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- UBND xã Nam Thắng có trách nhiệm xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường gồm:

+ Nước thải từ dự án sẽ được thu gom xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (với $C_{max} = CxK$, trong đó $K=1$).

+ Thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng Luật Bảo vệ môi trường 2020, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022.

+ Cam kết thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đúng quy định.

PHỤ LỤC
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực”

PHỤ LỤC
BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BẢN VẼ HOÀN CÔNG CỦA DỰ ÁN